

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Sinh và bà Đàm Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 20/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Triệu Thị V, sinh năm 1982

CCCD số 008182008917 do Cục C về TTXH – Bộ C1 cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: Thôn P (nay là thôn P), xã L, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1981

CCCD số 008081006768 do Bộ C1 cấp ngày 21/6/2025.

Địa chỉ: Thôn P (nay là thôn P), xã L, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt lần 2 không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Triệu Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn D qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/9/2020. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống tại thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Kể từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc mấy, từ khi kết hôn ông bà đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên uống rượu say, đập phá đồ đạc trong gia đình, không chịu khó làm ăn hộ bà nuôi dạy con cái. Ông D hay có những lời lẽ xúc phạm, hăm dọa bà nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài tới nay. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Sau khi ly thân thì ông D đi làm ở địa phương khác, không rõ đi đâu, thỉnh thoảng có về nhà 1-2 ngày rồi lại đi. Còn bà thì vẫn sinh sống tại thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay ông bà không còn liên lạc và không quan tâm gì tới nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà xin được ly hôn với ông Vũ Văn D.

Về con chung: Bà và ông Vũ Văn D có 01 con chung là cháu Vũ An T, sinh ngày 04/8/2021. Khi giải quyết ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ An T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Vũ Văn D không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân như bà Triệu Thị V trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống ông bà nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, ông thường xuyên đi làm ăn xa nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, Hiện nay ông bà không còn liên lạc và không quan tâm gì tới nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V xin ly hôn ông nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Triệu Thị V.

Về con chung: Ông và bà Triệu Thị V có 01 con chung là cháu Vũ An T, sinh ngày 04/8/2021. Khi giải quyết ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ An T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Triệu Thị V không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên tòa).

*** Về nội dung:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị V:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị V được ly hôn với ông Vũ Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ An T, sinh ngày 04/8/2021 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Vũ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Triệu Thị V được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của nguyên đơn, và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Triệu Thị V và ông Vũ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 15/9/2020 là hôn nhân hợp pháp. Ông D có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang), theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại

phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị V:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của bà Triệu Thị V phù hợp với lời khai của ông Vũ Văn D. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa bà Triệu Thị V và ông Vũ Văn D có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, kể từ khi ly thân giữa ông bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Triệu Thị V và ông Vũ Văn D mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương nhau để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc được nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của pháp luật chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà Triệu Thị V.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Triệu Thị V và ông Vũ Văn D 01 con chung là cháu Vũ An T, sinh ngày 04/8/2021. Từ khi ông bà sống ly thân với nhau thì cháu Vũ An T ở cùng bà V tại thôn P (nay là thôn P), xã L, tỉnh Tuyên Quang. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Vũ Văn D thường xuyên đi làm xa nhà, ông chưa có nhà riêng, ở cùng nhà với mẹ đẻ của ông D, mẹ đẻ của ông Dương T1 đã cao, sức khỏe yếu, đi lại phải chống gậy và phải có người dìu dắt. Bà V đang sinh sống cùng cháu T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tại địa phương bà Triệu Thị V có nhà riêng để ở, bà làm công việc tự do mức thu nhập bình quân khoảng 3.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Vũ An T cho bà Triệu Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Triệu Thị V tự nguyện có trách nhiệm với con và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đề nghị của bà V là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Triệu Thị V là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị V về việc xin ly hôn với ông Vũ Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Triệu Thị V được ly hôn với ông Vũ Văn D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Vũ An T, sinh ngày 04/8/2021 cho bà Triệu Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông Vũ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Triệu Thị V được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Lục Hành, tỉnh Tuyên Quang (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Ngọc Trung